

HỌC PHẦN I

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ ĐƯỜNG LỐI QUÂN SỰ

Bài 1:

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1.1: Mục đích:

Giới thiệu cho sinh viên nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng an ninh, góp phần bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

1.2: Yêu cầu:

Mỗi sinh viên cần xác định trách nhiệm, thái độ đúng trong học tập môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh, từ đó tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngay khi đang học tập, rèn luyện tại trường và ở mỗi vị trí công tác sau này.

II – GIỚI THIỆU VỀ MÔN HỌC.

2.1. Đặc điểm môn học:

GDQP – AN là môn học được luật định, nó được thể hiện rất rõ trong đường lối giáo dục của Đảng và được thể chế hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, nhằm giúp cho sinh viên thực hiện mục tiêu “hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Kế tục và phát huy những kết quả đã thực hiện Chương trình huấn luyện quân sự phổ thông (theo NĐ 219/CP của Chính phủ năm 1961), Giáo dục quốc phòng (năm 1991), trong những năm qua, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và phù hợp với quy chế giáo dục – đào tạo trình độ đại học, năm 2000 chương trình môn học tiếp tục được bổ sung, sửa đổi; đến năm 2007 thực hiện chỉ thị 12/ CT của Bộ chính trị và nghị định 116/NĐ của Chính phủ về Giáo dục quốc phòng – an ninh, môn học Giáo dục quốc phòng được lồng ghép nội dung Giáo dục an ninh thành môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh. Như vậy trong từng giai đoạn cách mạng, chương trình môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh đều có những đổi mới phục vụ cho sự nghiệp Giáo dục nói chung và công tác quốc phòng an ninh nói riêng trong từng thời kì, gắn kết chặt chẽ các mục tiêu của giáo dục – đào tạo với quốc phòng - an ninh.

Giáo dục quốc phòng – an ninh là môn học bao gồm kiến thức khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật quân sự và thuộc nhóm các môn học chung, có tỉ lệ lý thuyết chiếm trên 70% chương trình môn học. Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, quân sự của Đảng, công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh; về kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Giáo dục quốc phòng – an ninh góp phần xây dựng , rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong khoa học ngay khi sinh viên đang học tập trong Học viện và khi ra công tác. Giảng dạy và học tập tốt môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh là góp phần đào tạo cho ngành chính viễn thông một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ có ý thức, năng lực sẵn sàng tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trên mọi cương vị công tác.

2.2 Chương trình:

Chương trình môn học GDQP - AN cho sinh viên thực hiện theo quyết định số:81/QĐ - BGD & ĐT ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình được xây dựng trên cơ sở phát triển trình độ các cấp học dưới, bảo đảm liên thông, logic; mỗi học phần là những khối kiến thức tương đối độc lập, tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Kết chương trình gồm 3 phần chính:

Phần 1: Mục tiêu, thời gian, thời điểm thực hiện.

Phần 2: Tóm tắt nội dung các học phần và chương trình.

Học phần I : Đường lối quân sự của Đảng, 45 tiết.

Học phần II: Công tác quốc phòng, an ninh, 45 tiết.

Học phần III: Quân sự chung, 45 tiết.

Học phần IV: Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK, 30 tiết.

Sinh viên đại học học 4 học phần, 165 tiết; sinh viên cao đẳng học 3 học phần (I,II,III), 135 tiết.

Phần 3: Tổ chức thực hiện chương trình; phương pháp giảng dạy, học và đánh giá kết quả học tập.

III – ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU:

Đối tượng nghiên cứu của môn học bao gồm đường lối quốc phòng, quân sự của Đảng, công tác quốc phòng, an ninh, quân sự và kỹ năng quân sự cần thiết.

3.1: Nghiên cứu về đường lối quân sự của Đảng:

Nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính lý luận của Đảng về đường lối quân sự như: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác – lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan

điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì. Nghiên cứu đường lối quân sự của Đảng góp phần hình thành niềm tin, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lí tưởng cho sinh viên.

3.2: Nghiên cứu về công tác quốc phòng, an ninh:

Nghiên cứu những quan điểm cơ bản về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng hiện nay như: Xây dựng lực lượng quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp, phòng tránh, đánh trả chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao của đối phương, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền an ninh biên giới quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Nghiên cứu và thực hiện tốt công tác quốc, an ninh để xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam.

3.3: Nghiên cứu về quân sự và kĩ năng quân sự cần thiết:

Nghiên cứu các kiến thức như: những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy chiến thuật và chiến đấu; tính năng, cấu tạo, tác dụng, sử dụng và bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kĩ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lí; một số vấn đề về điều lệnh đội ngũ và chiến thuật chiến đấu bộ binh.

Kiến thức về quân sự trong môn học là những kiến thức phổ thông, sinh viên cần nghiên cứu đặc điểm, nguyên lí, tác dụng, tính năng... hiểu rõ bản chất các nội dung kĩ thuật, chiến thuật bộ binh; về khả năng sát thương, với các phương pháp phòng tránh đơn giản, hiệu quả. Trên cơ sở đó nghiên cứu thực hành các bài tập sát với thực tế, thành thạo các thao tác kĩ thuật, chiến thuật trong chiến đấu. Đồng thời có thể ứng dụng kĩ thuật này khi tham gia dân quân, tự vệ theo qui định của pháp luật.

IV. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC.

Việc nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh đòi hỏi phải nắm vững cơ sở phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu cụ thể phù hợp với đối tượng, phạm vi và tính chất đa dạng của nội dung môn học này.

4.1: Cơ sở phương pháp luận:

Cơ sở phương pháp luận chung nhất của việc nghiên cứu giáo dục quốc phòng – an ninh là học thuyết Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó những quan điểm của các nhà kinh điển Mác – Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội, về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, về xây dựng nền quốc phòng toàn dân... là nền tảng thế giới quan, nhận thức luận của sự nghiên cứu, vận dụng đường lối quân sự của Đảng và những vấn đề cơ bản khác của giáo dục quốc phòng – an ninh.

Việc xác định học thuyết Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở phương pháp luận, đòi hỏi quá trình nghiên cứu, phát triển giáo dục quốc phòng - an ninh phải nắm vững và vận dụng đúng đắn các quan điểm tiếp cận khoa học như:

- *Quan điểm hệ thống:* Đặt ra yêu cầu nghiên cứu, phát triển các nội dung của giáo dục quốc phòng – an ninh một cách toàn diện, tổng thể,, trong mối quan hệ phát triển giữa các bộ phận, các vấn đề của môn học.

- *Quan điểm lịch sử, logic:* Trong nghiên cứu giáo dục quốc phòng – an ninh đòi hỏi phải nhìn thấy sự phát triển của đối tượng, vấn đề nghiên cứu theo thời gian, không gian với những điều kiện lịch sử, cụ thể để từ đó giúp ta phát hiện, khái quát, nhận thức đúng những quy luật, nguyên tắc của hoạt động quốc phòng, an ninh.

- *Quan điểm thực tiễn:* Chỉ ra phương hướng cho việc nghiên cứu giáo dục quốc phòng – an ninh là phải bám sát thực tiễn xây dựng quân đội và công an nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

4.2: Các phương pháp nghiên cứu:

Với tư cách là bộ môn khoa học nằm trong hệ thống khoa học quân sự, phạm vi nghiên cứu của giáo dục quốc phòng – an ninh rất rộng, nội dung nghiên cứu đa dạng, được cấu trúc theo hệ thống từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp luôn có sự kế thừa và phát triển. Vì vậy giáo dục quốc phòng – an ninh được tiếp cận nghiên cứu với nhiều cách thức, phù hợp với tính chất của từng nội dung và vấn đề nghiên cứu cụ thể.

Trong nghiên cứu phát triển nội dung giáo dục quốc phòng – an ninh với tư cách là một bộ môn khoa học cần chú ý sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học.

Trước hết cần sử dụng các phương pháp nghiên cứu lí thuyết như phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa, mô hình hóa, giả thuyết... nhằm thu thập thông tin khoa học trên cơ sở nghiên cứu các văn bản, tài liệu về quốc phòng, an ninh để rút ra kết luận khoa học cần thiết, không ngừng bổ xung, phát triển làm phong phú nội dung GDQP – AN. Cùng với phương pháp nghiên cứu lí thuyết, cần nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực tiễn như quan sát, điều tra, khảo sát thực tế, nghiên cứu các sản phẩm quốc phòng, an ninh, tổng kết kinh nghiệm, thí nghiệm, thực nghiệm.... nhằm tác động trực tiếp vào đối tượng trong thực tiễn từ đó khái quát bản chất, quy luật của các hoạt động quốc phòng, an ninh; bổ xung làm phong phú nội dung cũng như kiểm định tính sát thực, tính đúng đắn của các kiến thức quốc phòng - an ninh.

Trong nghiên cứu lĩnh hội các kiến thức, kĩ năng quốc phòng, an ninh cần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học lí thuyết và thực hành nhằm bảo đảm cho người học vừa có nhận thức sâu sắc về đường lối, nghệ

thuật quân sự, nắm chắc lí thuyết kĩ thuật và chiến thuật, vừa rèn luyện phát triển được các kĩ năng công tác quốc phòng, thuần thục các thao tác, hành động quân sự.

Đổi mới phương pháp dạy học GDQP – AN theo hướng tăng cường vận dụng các phương pháp dạy học tiên tiến kết hợp với sử dụng các phương tiện kĩ thuật dạy học hiện đại. Trong quá trình học tập nghiên cứu các đề, các nội dung GDQP – AN cần chú ý sử dụng các phương pháp tạo tình huống, nêu vấn đề, đối thoại, tranh luận sáng tạo; tăng cường thực hành, thực tập sát với thực tế chiến đấu, công tác quốc phòng; tăng cường thăm quan thực tế, viết thu hoạch, tiểu luận; tăng cường sử dụng các phương tiện kĩ thuật, thiết bị quân sự hiện đại phục vụ cho các nội dung học tập; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu môn học GDQP – AN.

Bài 2

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XHCN

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1.1: Mục đích:

Bồi dưỡng cho sinh viên hiểu được một số quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc, từ đó góp phần xây dựng niềm tin, trách nhiệm và tích cực đấu tranh để bảo vệ quan điểm tư tưởng đó trong tình hình hiện nay.

1.2: Yêu cầu:

Hiểu đúng, đủ nội dung của bài, phát huy trí sáng tạo của tuổi trẻ, tích cực hoạt động, góp phần bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay.

II – NỘI DUNG:

2.1: QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH

2.1.1: Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh.

- Chiến tranh là một hiện tượng lịch sử xã hội

Chiến tranh là một vấn đề phức tạp, trước Các Mác, Ăng Ghen đã có nhiều nhà tư tưởng đề cập đến vấn đề này, song đáng chú ý nhất là tư tưởng của C.Ph. CLaudovít, Ông quan niệm: Chiến tranh là một hành vi bạo lực dùng để buộc đối phương phải phục tùng ý trí của mình. Chiến tranh là sự huy động không hạn độ, sức mạnh đến tột cùng của các bên tham chiến. Ở đây C.Ph. CLaudovít đã chỉ ra được đặc trưng cơ bản của chiến tranh đó là sử dụng bạo lực. Tuy nhiên Ông chưa luận giải được bản chất của hành vi bạo lực ấy.

Đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, dựa trên các luận cứ khoa học và thực tiễn các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã kế thừa tư tưởng đó và đi đến khẳng định: *Chiến tranh là một hiện tượng chính trị-xã hội có tính lịch sử, đó là cuộc đấu tranh vũ trang có tổ chức giữa các giai cấp, nhà nước (hoặc liên minh giữa các nước) nhằm đạt mục đích chính trị nhất định.* Các ông đã phân tích chế độ công xã nguyên thủy và chỉ ra rằng, thời kỳ công xã nguyên thủy kéo dài hàng vạn năm, con người chưa hề biết chiến tranh. Vì đặc trưng của chế độ này là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hết sức thấp kém, tổ chức xã hội thì còn sơ khai, con người sống hoàn toàn phục thuộc vào tự nhiên. Động cơ cơ bản của sự phát triển xã hội công xã nguyên thủy là cuộc đấu tranh giữa con người với tự nhiên. Trong xã hội đó, các mâu thuẫn và xung đột giữa các bộ lạc, kể cả xung đột vũ trang chỉ là thứ yếu, không mang tính xã hội. Những cuộc đấu tranh giành đất đai, các khu vực săn bắn hái lượm, các bãi chăn thả các hành động đó chỉ là đấu tranh để sinh tồn. Trong các cuộc xung đột ấy tuy đã có yếu tố bạo lực vũ trang, nhưng những yếu tố bạo lực vũ trang đó chỉ có ý nghĩa để thỏa mãn các nhu cầu kinh tế trực tiếp của các bộ tộc, bộ lạc. Vì vậy Các Mác, Ăng Ghen coi đây như là một hình thức lao động nguyên thủy. Các xung đột ở xã hội công xã nguyên thủy không phải là chiến tranh, đó chỉ là những cuộc xung đột mang tính tự phát ngẫu nhiên.

Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin chiến tranh là những kết quả của những quan hệ giữa người với người trong xã hội. Nhưng nó không phải là những mối quan hệ giữa người với người nói chung. Mà nó là mối quan hệ giữa những tập đoàn người có lợi ích cơ bản đối lập nhau. Khác với các hiện tượng chính trị - xã hội khác, chiến tranh chiến tranh được thể hiện dưới một hình thức đặc biệt, sử dụng một công cụ đặc biệt đó là bạo lực vũ trang.

Bất chấp thực tế đó, các học giả tư sản cho rằng chiến tranh đã có ngay từ khi xuất hiện xã hội loài người và không thể nào loại trừ được nó. Mục đích của họ là để che đậy cho hành động chiến tranh xâm lược do giai cấp tư sản phát động.

- **Nguồn gốc nảy sinh chiến tranh:** *Chiến tranh bắt nguồn từ chế độ tư hữu, giai cấp và nhà nước.*

Bằng thể giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng cùng sự kết hợp sáng tạo phương pháp logic và lịch sử C. Mác và Ăng Ghen lần đầu tiên trong lịch sử đã luận giải một cách đúng đắn về nguồn gốc nảy sinh chiến tranh. Chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định: sự xuất hiện và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là nguồn gốc sâu xa (nguồn gốc kinh tế), suy đến cùng đã dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh.

Đồng thời, sự xuất hiện và tồn tại của giai cấp và đối kháng giai cấp là nguồn gốc trực tiếp (nguồn gốc xã hội) dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh.

Quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người đã chứng minh cho nhận định trên. Trong tác phẩm: “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, Ph. Ăngghen chỉ rõ: Trải qua hàng vạn năm trong chế độ cộng sản nguyên thủy, khi chưa có chế độ tư hữu, chưa có giai cấp đối kháng thì chiến tranh với tính cách là một hiện tượng chính trị xã hội cũng chưa xuất hiện. Mặc dù thời kì này đã xuất hiện những cuộc xung đột vũ trang. Nhưng đó không phải là một cuộc chiến tranh mà chỉ là một dạng “Lao động nguyên thủy”. Bởi vì, xét về mặt xã hội, xã hội công xã nguyên thủy là một xã hội không có giai cấp, bình đẳng, không có tình trạng phân chia thành kẻ giàu, người nghèo, kẻ đi áp bức bóc lột và người bị áp bức bóc lột. Về kinh tế, không có của “dư thừa tương đối” để người này có thể chiếm đoạt thành quả lao động của người khác, mục tiêu của các cuộc xung đột đó chỉ để tranh giành các điều kiện tự nhiên thuận lợi để tồn tại như; nguồn nước, bãi chăn thả, vùng săn bắn hay hang động... Về kĩ thuật quân sự, trong các cuộc xung đột này, tất cả các bên tham gia đều không có lực lượng vũ trang chuyên nghiệp, cũng như vũ khí chuyên dùng. Do đó, các cuộc xung đột vũ trang này hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên tự phát. Theo đó Ph. Ăngghen chỉ rõ, khi chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất xuất hiện và cùng với nó là sự ra đời của giai cấp, tầng lớp áp bức bóc lột từ đó xuất hiện và tồn tại chiến tranh như một tất yếu khách quan. Chế độ áp bức bóc lột càng hoàn thiện thì chiến tranh càng phát triển. Chiến tranh trở thành bạn đường của mọi chế độ tư hữu.

Tiếp tục phát triển những luận điểm của C. Mác, Ph.Ăngghen về chiến tranh trong điều kiện lịch sử mới, Lênin chỉ rõ : Trong thời đại ngày nay còn chủ nghĩa đế quốc thì còn nguy cơ xảy ra chiến tranh, chiến tranh bắt nguồn từ chính bản chất của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, chiến tranh là bạn đường của chủ nghĩa đế quốc.

Như vậy, chiến tranh có nguồn gốc từ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, có đối kháng giai cấp và có áp bức bóc lột. Chiến tranh không phải bắt nguồn từ bản năng sinh vật của con người, không phải là định mệnh và cũng không phải là hiện tượng tồn tại vĩnh viễn. Muốn xoá bỏ chiến tranh thì phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra nó.

- Bản chất của chiến tranh là kết quả sự nghiệp chính trị bằng thủ đoạn bạo lực.

Bản chất chiến tranh là một trong những nội dung cơ bản, quan trọng nhất của học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh, quân đội. Theo V.I. Lênin: "Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị bằng những biện pháp khác" (cụ thể là bằng bạo lực). Theo V.I. Lênin, khi phân tích bản chất chiến tranh, nhất thiết phải có quan điểm chính trị - giai cấp, xem chiến tranh chỉ là một hiện tượng lịch sử cụ thể. Theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin: "Chính trị là sự phản ánh tập trung của kinh tế", "Chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc", chính trị là sự thống nhất giữa đường lối đối nội và đường lối đối ngoại, trong đó đường lối đối ngoại phụ thuộc vào đường lối đối nội. Lênin chỉ rõ “*mọi cuộc chiến tranh đều gắn liền với chế độ chính trị sinh ra nó*”, chính trị chi phối chiến tranh từ đầu đến cuối. Như vậy, chiến tranh chỉ là một thời đoạn, một bộ phận của chính trị, nó không làm gián đoạn chính trị. Ngược lại, mọi chức năng, nhiệm vụ của chính trị đều được tiếp tục thực hiện trong chiến tranh. Giữa chiến tranh và chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau trong đó chính trị chi phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục chiến tranh, chính trị chi đạo toàn bộ hoặc phần lớn tiến trình và kết cục của chiến tranh, chính trị quy định mục tiêu và điều chỉnh mục tiêu, hình thức tiến hành đấu tranh vũ trang. Chính trị không chỉ kiểm tra toàn bộ quá trình tác chiến, mà còn sử dụng kết quả sau chiến tranh để đề ra những nhiệm vụ, những mục tiêu mới cho giai cấp, xã hội trên cơ sở thắng lợi hay thất bại của chiến tranh. Ngược lại, chiến tranh là một bộ phận, một phương tiện của chính trị, là kết quả phản ánh những cố gắng cao nhất của chính trị. Chiến tranh tác động trở lại chính trị theo hai hướng tích cực hoặc tiêu cực; hoặc tích cực ở khâu này nhưng lại tiêu cực ở khâu khác. Chiến tranh có thể làm thay đổi đường lối, chính sách, nhiệm vụ cụ thể, thậm chí có thể còn thay đổi cả thành phần của lực lượng lãnh đạo chính trị trong các bên tham chiến. Chiến tranh tác động lên chính trị thông qua việc làm thay đổi về chất tình hình xã hội, nó làm phức tạp hoá các mối quan hệ và làm tăng thêm những mâu thuẫn vốn có trong xã hội có đối kháng giai cấp. Chiến tranh có thể đẩy nhanh sự chín muồi của cách mạng hoặc làm mất đi tình thế cách mạng. Chiến tranh kiểm tra sức sống của toàn bộ chế độ chính trị xã hội.

Trong thời đại ngày nay mặc dù chiến tranh có những thay đổi về phương thức tác chiến, vũ khí trang bị "song bản chất chiến tranh vẫn không có gì thay đổi, chiến tranh vẫn là sự tiếp tục chính trị của các nhà nước và giai cấp nhất định. Đường lối chính trị của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch vẫn luôn chứa đựng nguy cơ chiến tranh, đường lối đó đã quyết định đến mục tiêu chiến tranh, tổ chức biên chế, phương thức tác chiến, vũ khí trang bị" của quân đội do chúng tổ chức ra và nuôi dưỡng.

- Tính chất của chiến tranh:

Xuất phát từ địa vị lịch sử của các giai cấp đối với sự phát triển của xã hội từ mục đích chính trị của chiến tranh. Các Mác, Ăng ghen đã phân chia chiến tranh thành: chiến tranh tiến bộ và chiến tranh phản động. Chiến

tranh tiến bộ bao gồm: những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc chống lại bọn thực dân xâm lược và những cuộc nội chiến của giai cấp bị áp bức bóc lột. Chiến tranh phản động là những cuộc chiến tranh đi xâm lược đất đai, nô dịch các dân tộc khác. Từ đó, các ông xác định thái độ ủng hộ những cuộc chiến tranh tiến bộ, chính nghĩa và phản đối những cuộc chiến tranh phản động, phi nghĩa.

Lênin phân loại chiến tranh dựa trên các mâu thuẫn cơ bản của thời đại mới và đã phân chiến tranh thành: *chiến tranh cách mạng và chiến tranh phản cách mạng* hay còn gọi là: *chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa*. Người xác định thái độ là: giai cấp vô sản cần lên án các cuộc chiến tranh phản cách mạng, phi nghĩa, ủng hộ các cuộc chiến tranh cách mạng, tự vệ chính nghĩa.

2.1.2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh:

- *Phân biệt rõ sự đối lập mục đích chính trị của chiến tranh xâm lược và chiến tranh chống xâm lược.*

Trên cơ sở lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng, Hồ Chí Minh đã sớm đánh giá đúng đắn bản chất, quy luật của chiến tranh, tác động của chiến tranh đến đời sống xã hội

Khi nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, Hồ Chí Minh đã khái quát bằng hình ảnh "con đũa hai vôi", một vôi hút máu nhân dân lao động chính quốc, một vôi hút máu nhân dân lao động thuộc địa. Trong hội nghị Véc – Xây, Hồ Chí Minh đã vạch trần bản chất, bộ mặt thật của sự xâm lược thuộc địa và chiến tranh cướp bóc của chủ nghĩa thực dân Pháp. "Người Pháp khai hoá văn minh bằng rượu lậu, thuốc phiện". Nói về mục đích cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người khẳng định: "Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước của ta. Chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Còn thực dân phản động Pháp thì mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ".

Như vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, cuộc chiến tranh do thực dân Pháp tiến hành ở nước ta là cuộc *chiến tranh xâm lược*. Ngược lại cuộc chiến tranh của nhân ta chống thực dân Pháp xâm lược là cuộc chiến tranh nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền và thống nhất đất nước.

- *Xác định tích chất xã hội của chiến tranh, phân tích tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh xâm lược thuộc địa, chiến tranh ăn cướp của chủ nghĩa đế quốc, chỉ ra tính chất chính nghĩa của chiến tranh giải phóng dân tộc.*

Trên cơ sở mục đích chính trị của chiến tranh, Hồ Chí Minh đã xác định tính chất xã hội của chiến tranh, chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, chiến tranh chống xâm lược là chính nghĩa, từ đó xác định thái độ của chúng ta là ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin về bạo lực cách mạng, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo vào thực tiễn chiến tranh cách mạng Việt Nam. Người khẳng định: "Chế độ thực dân, tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực, độc lập tự do không thể cầu xin mà có được, phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền".

Bạo lực cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh được tạo bởi sức mạnh của toàn dân, bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

- *Hồ Chí Minh Khẳng định: Ngày nay chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Hồ Chí Minh luôn coi con người là nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh. Người chủ trương phải dựa vào dân, coi dân là gốc, là cội nguồn của sức mạnh để "xây dựng lâu thắng lợi". Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh nhân dân là một trong những di sản quý báu của Người. Tư tưởng này được Hồ Chí Minh trình bày một cách giản dị, dễ hiểu nhưng sinh động và rất sâu sắc. Chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là cuộc chiến tranh toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Tư tưởng của Người được thể hiện rõ nét trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp ngày 19 - 12 - 1946: "Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc... hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước".

Để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược, Người tiếp tục khẳng định: "Ba mươi một triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kì già trẻ, gái trai, phải là ba mươi một triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mĩ cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng".

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh giặc phải bằng sức mạnh của toàn dân, trong đó phải có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kháng chiến toàn dân phải đi đôi với kháng chiến toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đánh địch trên tất cả các mặt trận : quân sự ; chính trị ; kinh tế ; văn hoá; ngoại giao...

Sự khái quát trên đã phản ánh nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại mới và là một sự phát triển đến đỉnh cao tư tưởng vũ trang toàn dân của chủ nghĩa Mác – Lênin. Sự phát triển sâu sắc làm phong phú thêm lí luận mác xít về chiến tranh nhân dân trong điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.

Đối với chủ tịch Hồ Chí Minh, ngăn chặn được chiến tranh là thượng sách, Người cố gắng dùng các phương thức ít đổ máu để giành và giữ chính quyền. Khi đã phải dùng chiến tranh thì sự hi sinh mất mát là không tránh khỏi, do đó, Người thường xuyên nhắc nhở các cấp, các ngành, toàn dân phải ghi ơn những người đã ngã xuống cho độc lập tự do của Tổ Quốc, phải chăm sóc gia đình thương binh liệt sĩ và đối xử khoan hồng

với tù, hàng binh dịch. Tư tưởng nhân văn trong quân sự của Hồ chí Minh được kết tinh trong truyền thống “ Đại – Nghĩa- Trí – Tín - Nhân”, “*mở đường hiếu sinh*” cho kẻ thù của truyền thống Việt nam, nó độc lập hoàn toàn với tư tưởng hiếu chiến, tàn ác của thực dân, đế quốc xâm lược.

Trong lĩnh vực nghệ thuật quân sự, chủ tịch Hồ chí Minh luôn lấy tư tưởng chiến lược tiến công, giành thế chủ động, đánh địch bằng sức mạnh tổng hợp của nhiều lực lượng hình thức quy mô và mọi lúc mọi nơi. Khéo léo nhuần nhuyễn các yếu tố: Thiên thời, địa lợi nhân hoà với: Chí, dũng, lực, thế thời, mưu để đánh thắng địch một cách có lợi nhất tổn thất ít nhất. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nghệ thuật tiến chiến tranh toàn dân, toàn diện của Việt Nam đã phát triển đến đỉnh cao.

-Kháng chiến lâu dài dựa vào sức mình là chính

Xuất phát từ hoàn cảnh nước ta là một nước nghèo, kinh tế kém phát triển, vừa giành được độc lập lại phải đương đầu với thực dân, đế quốc có tiềm lực kinh tế quân sự mạnh hơn ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương “*vừa kháng chiến vừa kiến quốc*” để xây dựng và phát triển lực lượng ta, bảo đảm ta càng đánh càng trưởng thành. Người chỉ đạo: phải trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh, “*trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*”. Trường kỳ là đánh lâu dài, lấy thời gian làm lực lượng để chuyển hoá so sánh dần dần thế và lực của ta, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Tự lực cánh sinh là dựa vào sức mình, không ỷ lại, “*phải đem sức ta mà giải phóng cho ta*”, nhưng đồng thời phải hết sức tranh thủ sự đồng tình giúp đỡ của quốc tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn hơn địch để đánh và thắng chúng.

Tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chiến tranh đã trở thành tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt và là nguồn gốc thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của nhân dân ta. Ngày nay những tư tưởng đó còn nguyên giá trị, định hướng của Đảng ta trong việc đề ra những quan điểm cơ bản tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

2.2: QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUÂN ĐỘI

2.2.1: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quân đội

- Khái niệm về quân đội:

Theo Ăngghen, “Quân đội là một tập đoàn người có vũ trang, có tổ chức do nhà nước xây dựng để dùng vào cuộc chiến tranh tiến công hoặc chiến tranh phòng ngự”

Cùng với việc nghiên cứu về chiến tranh, Ph. Ăngghen đã vạch rõ: quân đội là một tổ chức của một giai cấp và nhà nước nhất định là công cụ chủ yếu để tiến hành chiến tranh.

Trong điều kiện chủ nghĩa tư bản đã phát triển sang chủ nghĩa đế quốc Lenin nhấn mạnh, chức năng cơ bản của quân đội đế quốc là phương tiện quân sự để đạt mục tiêu chính trị đối ngoại và duy trì quyền thống trị của bọn bóc lột đối với nhân dân lao động trong nước.

- Nguồn gốc ra đời của quân đội:

Từ khi quân đội xuất hiện đến nay, đã có không ít nhà lí luận đề cập đến nguồn gốc, bản chất của quân đội trên các khía cạnh khác nhau. Nhưng chỉ có chủ nghĩa Mác - Lênin mới lí giải đúng đắn và khoa học về hiện tượng chính trị xã hội đặc thù này.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chứng minh một cách khoa học về nguồn gốc ra đời của quân đội từ sự phân tích cơ sở kinh tế - xã hội và khẳng định : quân đội là một hiện tượng lịch sử, ra đời trong giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người, khi xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự đối kháng giai cấp trong xã hội. Chính chế độ tư hữu và đối kháng giai cấp đã làm nảy sinh nhà nước thống trị bóc lột. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và đàn áp quần chúng nhân dân lao động giai cấp thống trị đã tổ chức ra lực lượng vũ trang thường trực làm công cụ bạo lực của nhà nước.

Như vậy, chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng là nguồn gốc ra đời của quân đội. Chừng nào còn chế độ tư hữu, còn chế độ áp bức bóc lột thì quân đội vẫn còn tồn tại. Quân đội chỉ mất đi khi giai cấp, nhà nước và những điều kiện sinh ra nó tiêu vong.

- Bản chất giai cấp của quân đội:

C. Mác, Ăngghen lí giải sâu sắc bản chất quân đội, quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của một giai cấp, một nhà nước nhất định. Bản chất giai cấp của quân đội là bản chất của giai cấp của nhà nước đã tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng nó.

Bản chất giai cấp của quân đội không phải tự phát hình thành mà phải trải qua quá trình xây dựng lâu dài và được củng cố liên tục. Bản chất giai cấp quân đội là tương đối ổn định, nhưng không phải là bất biến. Sự vận động phát triển bản chất giai cấp của quân đội bị chi phối bởi nhiều yếu tố như: giai cấp, nhà nước, các lực lượng, tổ chức chính trị xã hội và việc giải quyết các mối quan hệ trong nội bộ trong quân đội. Do sự tác động của các yếu tố trên mà bản chất giai cấp của quân đội có thể được tăng cường hoặc bị phai nhạt, thậm chí bị biến

chất và tuột khỏi tay nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra, nuôi dưỡng quân đội đó. Sự thay đổi bản chất giai cấp quân đội diễn ra dần dần thông qua việc tăng cường hoặc suy yếu dần các mối quan hệ trên.

Trong tình hình hiện nay, các học giả tư sản thường rêu rao luận điểm "phi chính trị hoá quân đội", cho quân đội phải đứng ngoài chính trị, quân đội là công cụ bạo lực của toàn xã hội, không mang bản chất giai cấp. Thực chất quan điểm "phi chính trị hoá quân đội" của các học giả tư sản nhằm làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, làm giảm sức mạnh chiến đấu, từng bước làm thoái hoá về chính trị tư tưởng, phai nhạt bản chất cách mạng của quân đội. Đó là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc. Mặt khác, mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động không nhỏ tới tăng cường bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng của quân đội. Những biểu hiện cường điệu lợi ích vật chất, lề thói thực dụng, cơ hội về chính trị, sự suy giảm về đạo đức cách mạng là những cản trở trong xây dựng quân đội cách mạng hiện nay.

-Sức mạnh chiến đấu của quân đội

Theo C. Mác, Ăngghen sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào rất nhiều nhân tố như: con người, các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, vũ khí trang bị, khoa học quân sự và phương thức sản xuất. Các ông rất chú trọng đến khâu đào tạo cán bộ chính trị quân sự, đánh giá nhận xét về tài năng của nhiều nhà quân sự trong lịch sử, đồng thời phê phán sự yếu kém của nhiều tướng lĩnh quân sự.

Bảo vệ và phát triển lí luận của C.Mác, Ăngghen về quân đội, Lênin chỉ rõ sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó khẳng định, vai trò quyết định của nhân tố chính trị tinh thần trong chiến tranh, Người nói: "trong mọi cuộc chiến tranh, rốt cuộc thắng lợi, thất bại đều tùy thuộc vào trạng thái chính trị tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường quyết định".

- Nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới của Lênin

Lênin đã kế tục, bảo vệ và phát triển lí luận của C.Mác, Ăngghen về quân đội và vận dụng thành công xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản ở nước Nga Xô viết.

Ngay sau khi Cách mạng tháng 10/1917 thành công, các thế lực thù địch điên cuồng chống phá nước Nga Xô viết. Để bảo đảm thành quả cách mạng. Lênin yêu cầu phải giải tán ngay quân đội cũ, nhanh chóng thành lập quân đội kiểu mới (Hồng quân) của giai cấp vô sản, Lênin đã xác định những nguyên tắc quan trọng nhất, quyết định sức mạnh, sự tồn tại, phát triển, chiến đấu, chiến đấu của Hồng quân.

Ngày nay những nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của Lênin vẫn giữ nguyên giá trị, đó là cơ sở lí luận cho các Đảng cộng sản đề ra phương hướng tổ chức xây dựng quân đội của mình.

2.2.2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội:

- Khẳng định sự ra đời của quân đội là một tất yếu, là vấn đề có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định tính *tất yếu* phải dùng bạo lực cách mạng để giành và giữ chính quyền. Theo Người, tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc nhưng phải lấy lực lượng vũ trang nhân dân(LLVTND) làm nòng cốt. Vì vậy, ngay từ đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định phải "*tổ chức quân đội công nông*", chuẩn bị lực lượng tổng khởi nghĩa. Xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Ngày 22 - 12 - 1944, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của quân đội ta hiện nay được thành lập. Sự ra đời của quân đội xuất phát từ chính yêu cầu của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp ở nước ta. Thực tiễn lịch sử cho thấy, kẻ thù sử dụng bạo lực phản cách mạng để áp bức nô dịch dân tộc ta. Do vậy, muốn giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp chúng ta phải tổ chức ra bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng.

Để thực hiện được mục tiêu cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức ra lực lượng vũ trang cách mạng làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc mà tiền thân của nó là những đội xích vệ đỏ, du kích vũ trang, sau đó phát triển thành quân đội nhân dân. Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động, đấu tranh với kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc.

Quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta luôn luôn gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng, với các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chính từ thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng, những thắng trận của chiến tranh, những thử thách ác liệt cùng với những hi sinh to lớn mà phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" được rèn luyện, kiểm nghiệm nghiêm ngặt nhất và được phát triển lên những đỉnh cao. Ngay từ khi mới thành lập mặc dù đại bộ phận cán bộ chiến sĩ xuất thân từ nông dân nhưng tất cả họ đều là những người có lòng yêu nước mãnh liệt, trí cảm thù giặc sâu sắc. Trải qua những năm tháng phục vụ trong quân đội họ không ngừng được nâng cao giác ngộ cách mạng, chuyển từ giác ngộ dân tộc lên giác ngộ giai cấp, từ tinh thần độc lập dân tộc lên ý thức xã hội chủ nghĩa, chuyển lập trường của giai cấp

xuất thân sang lập trường giai cấp công nhân để xem xét giải quyết đánh giá công việc. Sự thống nhất hữu cơ trên, từ nét đặc thù về chế độ chính trị, bản chất Nhà nước, giai cấp tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng quân đội. Quân đội nhân dân Việt Nam sinh ra từ các phong trào cách mạng của quần chúng, được nhân dân nuôi dưỡng, đùm bọc, che chở và tiếp sức, lại được tổ chức giáo dục rèn luyện bởi Đảng Cộng sản Việt Nam - Người đại biểu trung thành cho lợi ích giai cấp, dân tộc và nhân dân, vì vậy quân đội luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

- *Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.*

Với cương vị là người tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện quân đội ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên coi trọng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội. Bản chất giai cấp công nhân liên hệ mật thiết với tính nhân dân trong tiến hành chiến tranh nhân dân chống thực dân, đế quốc xâm lược. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và coi đó là cơ sở, nền tảng để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện. Trong buổi lễ phong quân hàm cho các cán bộ cao cấp Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 22 - 12 - 1958, Người vừa biểu dương, vừa căn dặn: "Quân đội đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao cho, đã có truyền thống vẻ vang là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, chiến đấu anh dũng, công tác và lao động tích cực, tiết kiệm, cần cù, khiêm tốn, giản dị, đoàn kết nội bộ, đồng cam cộng khổ với nhân dân, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ". Lời căn dặn của Người là sự khái quát các phẩm chất, tiêu chí của bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta. Trong bài nói chuyện tại buổi chiêu đãi mừng quân đội ta tròn hai mươi tuổi ngày 22 - 12 - 1964, một lần nữa Hồ Chí Minh lại khẳng định, bản chất giai cấp của quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của giai cấp, nhà nước. Người viết: "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Quân đội nhân dân Việt Nam được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tổ chức lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện, được nhân dân hết lòng yêu thương, đùm bọc, đồng thời được kế thừa những truyền thống tốt đẹp của một dân tộc có hàng ngàn năm văn hiến và lịch sử đấu tranh dựng nước gắn liền với giữ nước oanh liệt. Do đó, ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình phát triển, quân đội ta luôn thực sự là một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.

- *Khẳng định, quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu.*

Đây là một trong những công hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phát triển lí luận về quân đội. Người lập luận, bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân của quân đội ta là một thể thống nhất, xem đó như là biểu hiện tính quy luật của quá trình hình thành, phát triển quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản. Trong bài *Tình đoàn kết quân dân ngày càng thêm bền chặt* 3 - 3 - 1952, Người viết: "Quân đội ta là quân đội nhân dân. Nghĩa là con em ruột thịt của nhân dân. Đánh giặc để giành lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc, để bảo vệ tự do, hạnh phúc của nhân dân. Ngoài lợi ích của nhân dân, quân đội ta không có lợi ích nào khác".

- *Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội là một nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản.*

Bắt nguồn từ nguyên lí chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm đến công cụ đặc biệt này để nó thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong đấu tranh giai cấp, kể cả tiến hành chiến tranh.

Để phát huy nhân tố con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất tinh thần của bộ đội, khuyên răn, động viên, và biểu dương kịp thời những gương "*người tốt, việc tốt*". Người nói: "*Tướng là kẻ giúp nước, tướng giỏi thì nước mạnh, tướng xoàng thì nước hèn*" do đó, phải chăm lo xây dựng cán bộ có đủ đức, đủ tài, Người đòi hỏi mỗi cán bộ phải có đủ tư cách: Trí, dũng, nhân, tín, liêm, trung.

Đảng Cộng sản Việt Nam - Người tổ chức lãnh đạo giáo dục và rèn luyện quân đội - là nhân tố quyết định sự hình thành và phát triển bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta. Trong suốt quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội, Đảng cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự chăm lo đặc biệt đối với quân đội. Điều này được thể hiện rõ nét trong cơ chế lãnh đạo: tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội trong thực hiện chế độ công tác đảng, công tác chính trị. Nhờ đó, Quân đội nhân dân Việt Nam trở thành một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. Thành tựu to lớn trong tăng cường bản chất giai cấp công nhân cho quân đội ta là, Đảng đã đào tạo nên những thế hệ "Bộ đội cụ Hồ", một mẫu hình mới của con người xã hội chủ nghĩa trong quân đội kiểu mới. Như vậy, không có một Đảng Cộng sản chân chính, không có một giai cấp công nhân Việt Nam cách mạng, kiên định lập trường xã hội chủ nghĩa, thì quân đội nhân dân Việt Nam không thể giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, mục tiêu lí tưởng chiến đấu của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là một Quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục.

- *Nhiệm vụ và chức năng cơ bản của quân đội*

Mục tiêu lí tưởng chiến đấu của quân đội ta là thực hiện mục tiêu lí tưởng các mạng của Đảng, của giai cấp công nhân và của toàn dân tộc: Gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Hiện nay quân đội ta có hai nhiệm vụ chính. Một là, xây dựng

một đội quân ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu. Hai là, thiết thực tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội".

Nhiệm vụ của quân đội ta hiện nay là phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng và của quân đội, ngoài nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, quân đội phải tham gia vào nhiệm vụ xây dựng đất nước, sản xuất ra của cải vật chất và tiến hành công tác huấn luyện. Đây là vấn đề khác về chất so với quân đội của giai cấp bóc lột. Quân đội ta có ba chức năng: Là đội quân chiến đấu, là đội quân công tác, là đội quân sản xuất. Ba chức năng đó phản ánh cả mặt đối nội, đối ngoại của quân đội.

Với tư cách là đội quân chiến đấu, quân đội luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội, tham gia vào cuộc tiến công địch trên mặt trận lí luận, chính trị - tư tưởng, văn hoá; là đội quân sản xuất, quân đội tăng gia sản xuất cải thiện đời sống cho bộ đội, xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng, phát triển đất nước, trong điều kiện hiện nay, quân đội còn là lực lượng nòng cốt và xung kích trong xây dựng kinh tế - quốc phòng ở các địa bàn chiến lược, nhất là ở biên giới, biển đảo, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn gian khổ và ở những địa bàn có những tình huống phức tạp nảy sinh; là đội quân công tác, quân đội tham gia vận động quần chúng nhân dân xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh, góp phần tăng cường sự đoàn kết giữa Đảng với nhân dân, quân đội với nhân dân; giúp dân chống thiên tai, giải quyết khó khăn trong sản xuất và đời sống, tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ và chấp hành đúng đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thực tiễn 67 năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của quân đội ta đã chứng minh: Quân đội đã thực hiện đầy đủ và thực hiện xuất sắc ba chức năng trên cùng toàn Đảng, toàn dân lập nên những chiến công hiển hách trong chiến tranh giải phóng. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, quân đội có vai trò hết sức nặng nề. Quân đội luôn phải là đội quân cách mạng, lực lượng chính trị, công cụ vũ trang sắc bén của Đảng, có sức chiến đấu cao, sẵn sàng đánh bại mọi kẻ thù, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ...Để thực hiện vai trò đó, cần đổi mới nhận thức về các chức năng của quân đội cho phù hợp với tình hình mới.

2.3: QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XHCN

2.3.1: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Nhận định về khả năng giành thắng lợi của cách mạng vô sản. Các Mác, Ăng Ghen đã cho rằng “*cuộc cách mạng CSCN không những có tính chất dân tộc mà sẽ đồng thời xảy ra ở trong tất cả các nước văn minh, tức là ở nước Nhật, ở Anh, Mỹ, Pháp, và Đức*”. Trong điều kiện lịch sử cụ thể, thời C.Mác, Ăngghen sống, vấn đề bảo vệ Tổ quốc XHCN chưa đặt ra một cách trực tiếp. Bài học kinh nghiệm của công xã Pari có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bảo vệ thành quả cách mạng, sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền nhưng đây mới chỉ là ý kiến ban đầu về bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Học thuyết bảo vệ Tổ quốc XHCN là một cống hiến mới của Lênin vào kho tàng chủ nghĩa Mác, nó đáp ứng trực tiếp nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN ở nước Nga. Học thuyết đó chỉ ra một số vấn đề sau:

- Bảo vệ tổ quốc XHCN là tất yếu, khách quan:

+ Ngay sau khi CM tháng 10 Nga thành công, CNĐQ tìm mọi cách tiêu diệt Nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới. Lênin đã chứng minh tính tất yếu khách quan phải bảo vệ thành quả cách mạng của giai cấp vô sản chống lại sự tấn công vũ trang của Nhà nước Tư bản, đế quốc. Bởi vì bản chất của CNĐQ là xâm lược phải ngăn chặn mưu đồ của chúng.

+ Lênin viết: “*Kể từ ngày 25/10/1917, chúng ta là những người chủ trương bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta tán thành “bảo vệ Tổ quốc” nhưng cuộc chiến tranh giữ nước mà chúng ta đang đi tới là một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc XHCN*”. Công hiến quan trọng của Lênin ở chỗ lần đầu tiên làm sáng tỏ mục tiêu bảo vệ Tổ quốc XHCN: bảo vệ Tổ quốc bao giờ cũng gắn với bảo vệ chế độ, “*Bảo vệ XHCN với tính cách là bảo vệ tổ quốc*”.

+ Lênin nhấn mạnh: “*Nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc XHCN phải tiến hành ngay khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, kéo dài đến hết thời kỳ quá độ cho đến khi nào không còn sự phản kháng của giai cấp Tư bản - đế quốc*”.

- Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân, nông dân và nhân dân lao động.

+ Trong những năm đầu của chính quyền Xô viết, Lênin trực tiếp lãnh đạo xây dựng đất nước, chống lại sự can thiệp của các nước đế quốc, tư bản và tiến hành nội chiến cách mạng. Đó là những năm tháng cực kỳ khó khăn, gian khổ. Người chỉ rõ: “*Bảo vệ Tổ quốc XHCN là nghĩa vụ, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của giai cấp vô sản trong nước, nhân dân lao động và giai cấp vô sản thế giới có nghĩa vụ ủng hộ sự nghiệp bảo vệ*

Tổ quốc XHCN”. Người nhắc nhở mọi người phải cảnh giác đánh giá đúng kẻ thù, tuyệt đối không chủ quan “*Phải có thái độ nghiêm túc đối với quốc phòng*”. Người luôn lạc quan tin tưởng ở sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Người nói: “*Không bao giờ người ta có thể chiến thắng được một dân tộc mà đa số công nhân và nông dân đã biết, đã cảm và trông thấy họ bảo vệ chính quyền của mình, chính quyền Xô viết, chính quyền của những người lao động, rằng họ bảo vệ sự nghiệp mà một khi thắng lợi sẽ bảo đảm cho họ, cũng như con cái họ, có khả năng hưởng thụ mọi thành quả văn hóa, mọi thành quả lao động của con người*”.

- Bảo vệ Tổ quốc XHCN, là phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển KT-XH

+ Học thuyết bảo vệ Tổ quốc XHCN của Lênin đã khẳng định: “*Bảo vệ Tổ quốc XHCN là sự nghiệp thiêng liêng, cao cả, mang tính cách mạng, chính nghĩa và có ý nghĩa quốc tế sâu sắc, sự nghiệp đó phải được quan tâm, chuẩn bị chu đáo và kiên quyết*”. Lênin đã đưa ra nhiều biện pháp về bảo vệ Tổ quốc như: Củng cố chính quyền Xô viết ở các cấp; Bài trừ nội phản, tiêu diệt bạch vệ; Đẩy mạnh phát triển kinh tế văn hoá, khoa học kỹ thuật, vận dụng đường lối đối ngoại khôn khéo, kiên quyết về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù; Hết sức chăm lo xây dựng quân đội kiểu mới. Lênin cùng Đảng Bôn-Sê-Vich Nga lãnh đạo nhân dân, tranh thủ thời gian hoà bình, xây dựng đất nước mạnh lên về mọi mặt, từng bước biến các tiềm lực thành sức mạnh hiện thực của nền quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc XHCN.

- Đảng cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN:

+ Lênin chỉ ra rằng: Đảng cộng sản phải lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đảng phải đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình, có sáng kiến đề lôi kéo quần chúng và phải có đội ngũ Đảng viên gương mẫu, hi sinh. Trong quân đội, chế độ chính uỷ được thực hiện, cán bộ chính trị được lấy từ những đại biểu ưu tú của công nhân, thực chất đó là người đại diện của Đảng, để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trong quân đội. Đảng hướng dẫn, giám sát các hoạt động của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, các đoàn thể nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là nguyên tắc cao nhất, là nguồn gốc sức mạnh bảo vệ vững chắc tổ quốc XHCN.

2.3.2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN là sự vận dụng sáng tạo học thuyết Mác-Lênin về bảo vệ Tổ quốc XHCN vào tình hình cụ thể Việt Nam. Tư tưởng của Người là:

-Bảo vệ Tổ quốc XHCN là tất yếu khách quan thể hiện ý chí quyết tâm của nhân dân ta.

+ Tính tất yếu khách quan bảo vệ Tổ quốc được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “*Các vua hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước*”, ý chí giữ nước của Người rất sâu sắc, kiên quyết. Trong lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến đêm ngày 19/12/1946 Người nói: “*Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”, “*...Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!*”.

+ “*Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ không chia tôn giáo, Đảng phái, dân tộc. Ai có súng thì dùng súng, ai có gươm thì dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước... Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hi sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta.*”. Ngay sau khi cách mạng tháng 8/1945 thành công, trước sự uy hiếp của thực dân, đế quốc và bọn phá động các loại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Đảng ta đề ra nhiều biện pháp thiết thực cụ thể để giữ vững chính quyền nhân dân chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*”. “*Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn chiến đấu quét sạch nó đi*”. Trong lời di chúc cuối cùng Người căn dặn: “*Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hi sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta cũng phải quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn*”.

Ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

-Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ độc lập dân tộc và CNXH là nghĩa vụ trách nhiệm của mọi công dân.

+ Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, bảo vệ Tổ quốc là sự gắn bó chặt chẽ giữa mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, là sự thống nhất giữa nội dung dân tộc, nội dung giai cấp và nội dung thời đại.

+ Xác định bảo vệ Tổ quốc XHCN là trách nhiệm, là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam yêu nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản tuyên bố: “*Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy*”. Khi Pháp trở lại xâm lược nước ta Người kêu gọi “*hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc*”. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước Người kêu gọi nhân dân cả nước quyết tâm chiến đấu thắng lợi hoàn toàn để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc tiến tới thống nhất nước nhà.

- Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh của cả Dân tộc, cả nước kết hợp với sức mạnh thời đại.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm: Phát huy sức mạnh tổng hợp trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN. Đó là sức mạnh của toàn dân tộc, toàn dân, của từng người dân, của các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở, là sức mạnh của các nhân tố chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá – xã hội, sức mạnh truyền thống với sức mạnh hiện tại, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Khi nói về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc, đồng bào ta Người khẳng định: “*sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành bức tường đồng xung quanh Tổ quốc, dù địch hung hãn, xảo quyệt đến mức nào đụng đầu vào bức tường đó chúng đều thất bại*”.

+ So sánh về sức mạnh giữa chúng ta với quân xâm lược, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Người phân tích: “*Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống bất khuất, lại có sự đồng tình ủng hộ to lớn của các nước XHCN anh em và nhân dân tiến bộ trên thế giới, chúng ta nhất định thắng*”. Để bảo vệ Tổ quốc XHCN Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng và củng cố nền QPTD, ANND, xây dựng QĐND coi đó là lực lượng chủ chốt để bảo vệ Tổ quốc. Người căn dặn chúng ta phải xây dựng quân đội ngày càng hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu để giữ gìn hoà bình, bảo vệ đất nước, bảo vệ công cuộc xây dựng CNXH.

- Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN.

+ Đảng ta là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN phải do Đảng lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “*Đảng và chính phủ phải lãnh đạo toàn dân, ra sức củng cố và xây dựng miền Bắc tiến dần lên CNXH, đồng thời tiếp tục đấu tranh để thống nhất nước nhà, trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hoà bình, góp phần bảo vệ công cuộc hoà bình ở Á đông và trên thế giới*” và khẳng định “*Với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và chính phủ, với sự đoàn kết nhất trí, lòng tin tưởng vững chắc vào tinh thần tự lực cánh sinh của mình, với sự giúp đỡ vô tư của các nước anh em, với sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới nhất là nhân dân các nước Á phi, nhân dân ta nhất định khắc phục mọi khó khăn, làm tròn được mọi nhiệm vụ vẻ vang mà Đảng và chính phủ đã đề ra*”.

+ Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc, ngày nay toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Việt Nam XHCN.

Tóm lại:

+ Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc. Đó là cơ sở lý luận để Đảng cộng sản đề ra chủ trương, đường lối, chiến lược xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng LLVTND và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

+ Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ – Chí – Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN vẫn còn nguyên giá trị, chúng ta nắm vững những nội dung cơ bản đó, vận dụng sáng tạo và chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong gia đoạn mới. Đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lại mọi sự xuyên tạc, bôi nhọ của kẻ thù, bảo vệ và phát triển sáng tạo những nội dung đó trong điều kiện lịch sử mới.

+ Là sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông – những cán bộ khoa học kỹ thuật tương lai của ngành, cần tích cực học tập, nghiên cứu nhận thức đúng đắn các nội dung trên, từ đó xây dựng niềm tin và có ý thức trách nhiệm góp phần tích cực bảo vệ và phát triển những nội dung đó để tham gia xây dựng tiềm lực quốc phòng của ngành vững mạnh góp phần bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy thông tin liên lạc bí mật, kịp thời thông suốt thời bình cũng như thời chiến để thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược là: Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

III - CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nguồn gốc, bản chất chiến tranh ?
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội ?
3. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ?

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ?
5. Quan điểm chỉ đạo và một số giải pháp cơ bản của Đảng ta về bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới ?
6. Sự khác nhau của CLauZoVit và Lênin về bản chất của chiến tranh ?

Bài 3

XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VN-XHCN

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa cần phải có sức mạnh tổng hợp. Một trong những yếu tố tạo nên sức mạnh tổng hợp là phải có được nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh. Điều đó chỉ có được khi mọi công dân, mọi tổ chức, mọi lực lượng, mọi cấp, mọi ngành ý thức đầy đủ được nghĩa vụ, trách nhiệm đối với việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Từ đó, vận dụng vào thực hiện tốt trách nhiệm của mình trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1.1: Mục đích:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, quan điểm, nội dung cơ bản và những biện pháp chủ yếu xây dựng nền QPTD, ANND từ đó góp phần xây dựng niềm tin và có quyết tâm cao bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam XHCN.

1.2: Yêu cầu:

Đề cao trách nhiệm hiểu đúng, đủ nội dung của bài phát huy tính sáng tạo của tuổi trẻ tích cực hoạt động góp phần xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh.

II – NỘI DUNG

2.1: VỊ TRÍ, ĐẶC TRƯNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN

2.1.1: Vị trí

- Một số khái niệm

+ Quốc phòng toàn dân: Là nền quốc phòng mang tính chất “vì dân, do dân, của dân”, phát triển theo phương hướng toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí, điều hành của Nhà nước, do nhân dân làm chủ, nhằm giữ vững hoà bình, ổn định của đất nước, sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm lược và bạo loạn lật đổ của các thế lực đế quốc, phản động; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.”

+ “Nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của đất nước được xây dựng trên nền tảng nhân lực, vật lực, tinh thần mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường”

+ An ninh nhân dân:

“1.Là sự nghiệp của toàn dân, do nhân dân tiến hành, lực lượng an ninh nhân dân làm nòng cốt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lí của Nhà nước. Kết hợp phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng chuyên trách, nhằm đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, cùng với quốc phòng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam có vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia. An ninh quốc gia có nhiệm vụ: đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, Chính quyền, các lực lượng vũ trang và nhân dân.”

+ Nền an ninh là sức mạnh về tinh thần, vật chất, sự đoàn kết và truyền thống dựng nước, giữ nước của toàn dân tộc được huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh nhân dân làm nòng cốt.

- Vị trí

Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh là tạo ra sức mạnh để ngăn ngừa, đẩy lùi, đánh bại mọi âm mưu, hành động xâm hại phá hoại công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đã khẳng định: “Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không một chút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng - an ninh, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ”

2.1.2: Đặc trưng

Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của ta có những đặc trưng:

- Nền quốc phòng toàn dân, ANND chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng

Đặc trưng thể hiện sự khác nhau về bản chất trong xây dựng nền quốc phòng, an ninh của những quốc gia có độc lập chủ quyền đi theo con đường xã hội chủ nghĩa với các nước khác. Chúng ta xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh là để tự vệ, chống lại thù trong, giặc ngoài, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân.

- Đó là nền quốc phòng, an ninh vì dân, của dân và do toàn thể nhân dân tiến hành

Đặc trưng vì dân, của dân, do dân của nền quốc phòng, an ninh nước ta là thể hiện truyền thống, kinh nghiệm của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Đặc trưng vì dân, của dân, do dân và mục đích tự vệ của nền quốc phòng, an ninh cho phát huy động mọi người, mọi tổ chức, mọi lực lượng đều thực hiện xây dựng nền quốc phòng, an ninh và đấu tranh quốc phòng, an ninh. Đồng thời, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân.

- Đó là nền quốc phòng, an ninh có sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành

Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng, an ninh nước ta tạo thành bởi rất nhiều yếu tố như chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, khoa học, quân sự, an ninh,... cả ở trong nước, ngoài nước, của dân tộc và của thời đại, trong đó những yếu tố bên trong của dân tộc bao giờ cũng giữ vai trò quyết định. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là cơ sở, tiền đề và là biện pháp để nhân dân đánh thắng kẻ thù xâm lược.

- Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại

Việc tạo ra sức mạnh quốc phòng, an ninh không chỉ ở sức mạnh quân sự, an ninh mà phải huy động được sức mạnh của toàn dân về mọi mặt chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hoá, khoa học. Phải kết hợp hữu cơ giữa quốc phòng, an ninh với các mặt hoạt động xây dựng đất nước, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại.

Xây dựng nền quốc phòng, an ninh toàn diện phải đi đôi với xây dựng nền quốc phòng, an ninh hiện đại là một tất yếu khách quan. Xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân từng bước hiện đại. Kết hợp giữa xây dựng con người có giác ngộ chính trị, có tri thức với vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại. Phát triển công nghiệp quốc phòng, từng bước trang bị hiện đại cho các lực lượng vũ trang nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh.

- Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân

Nền quốc phòng và nền an ninh nhân dân của chúng ta đều được xây dựng nhằm mục đích tự vệ, đều phải chống thù trong, giặc ngoài để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Giữa nền quốc phòng toàn dân với nền an ninh nhân dân chỉ khác nhau về phương thức tổ chức lực lượng, hoạt động cụ thể, theo mục tiêu cụ thể được phân công mà thôi. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng và an ninh phải thường xuyên và tiến hành đồng bộ, thống nhất từ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch xây dựng, hoạt động của cả nước cũng như từng vùng, miền, địa phương, mọi ngành, mọi cấp.

2.2: XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN VỮNG MẠNH ĐỂ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

2.2.1: Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh

- Tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước cả về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ để giữ vững hoà bình, ổn định, đẩy lùi, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô.

- Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá, xã hội; giữ vững ổn định chính trị, môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.2.2: Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân an ninh nhân dân vững mạnh

- *Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*

Lực lượng quốc phòng, an ninh là những con người, tổ chức và những cơ sở vật chất, tài chính đảm bảo cho các hoạt động đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh. Từ đặc trưng của nền quốc phòng, an ninh ở nước ta thì lực lượng quốc phòng, an ninh của nền quốc phòng toàn dân an ninh nhân dân bao gồm lực lượng toàn dân (lực lượng chính trị) và lực lượng vũ trang nhân dân.

Lực lượng chính trị bao gồm các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội và những tổ chức khác trong đời sống xã hội đã được phép thành lập và quản chúng nhân dân. Lực lượng vũ trang nhân dân bao gồm quân đội nhân dân, dân quân tự vệ, công an nhân dân.

- *Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh là xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

2.2.3: Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh

Tiềm lực quốc phòng, an ninh là khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiềm lực quốc phòng, an ninh được thể hiện ở trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng tập trung ở tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học, công nghệ; tiềm lực quân sự, an ninh. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh là tập trung xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh.

- *Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần.*

+ Tiềm lực chính trị, tinh thần của nền của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về chính trị, tinh thần có thể huy động tạo nên sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiềm lực chính trị, tinh thần được biểu hiện ở năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước; ý chí, quyết tâm của nhân dân, của các lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, tình huống. Tiềm lực chính trị tinh thần là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh, có tác động to lớn đến hiệu quả xây dựng và sử dụng các tiềm lực khác, là cơ sở, nền tảng của tiềm lực quân sự, an ninh.

+ Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cần tập trung: Xây dựng tinh yêu quê hương đất nước, niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước, đối với chế độ xã hội chủ nghĩa. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; nâng cao cảnh giác cách mạng; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt giáo dục quốc phòng, an ninh.

- *Xây dựng tiềm lực kinh tế*

+ Tiềm lực kinh tế của nền phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về kinh tế của đất nước có thể khai thác, huy động nhằm phục vụ cho quốc phòng, an ninh. Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được biểu hiện ở nhân lực, vật lực, tài lực của quốc gia có thể huy động cho quốc phòng, an ninh và tính cơ động của nền kinh tế đất nước trong mọi điều kiện hoàn cảnh. Tiềm lực kinh tế tạo sức mạnh vật chất cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác.

+ Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là tạo nên khả năng về kinh tế của đất nước. Do đó, cần tập trung vào: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phát triển công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội và công an. Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với cơ sở hạ tầng quốc phòng; không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các lực lượng vũ trang nhân dân. Có kế hoạch chuyển sản xuất từ thời bình sang thời chiến và duy trì sự phát triển của nền kinh tế.

- *Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ*

+ Tiềm lực khoa học, công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn) và công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động để phục vụ cho quốc phòng, an ninh. Tiềm lực khoa học, công nghệ được biểu hiện ở: Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cơ sở vật chất kỹ thuật có thể huy động phục vụ cho quốc phòng, an ninh và năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học có thể đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh...

+ Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là tạo nên khả năng về khoa học, công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động phục vụ cho quốc phòng, an ninh. Do đó, phải huy động tổng lực các khoa học, công nghệ quốc gia, trong đó khoa học quân sự, an ninh làm nòng cốt để nghiên cứu các vấn đề về quân sự, an ninh, về sửa chữa, cải tiến, sản xuất các loại vũ khí trang bị. Đồng thời phải thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật.

- *Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh*

+ Tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về vật chất và tinh thần có thể huy động tạo thành sức mạnh phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh.

Tiềm lực quân sự, an ninh được biểu hiện ở khả năng duy trì và không ngừng phát triển trình độ sẵn sàng chiến đấu, năng lực và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân; nguồn dự trữ về sức người, sức của trên các lĩnh vực đời sống xã hội và nhân dân có thể huy động phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh. Tiềm lực quân sự, an ninh là nhân tố cơ bản, là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của nhà nước giữ vai trò nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

+ Tiềm lực quân sự, an ninh được xây dựng trên nền tảng của các tiềm lực chính trị tinh thần, kinh tế, khoa học công nghệ. Do đó, xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh, cần tập trung vào: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện. Gắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với quá trình tăng cường vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Bố trí lực lượng luôn đáp ứng yêu cầu chuẩn bị đất nước về mọi mặt, sẵn sàng động viên thời chiến. Tăng cường nghiên cứu khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc hiện nay và nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng.

Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh trong ngành Bưu chính viễn thông: Ngay từ trong thời bình cần phải có kế hoạch và chuẩn bị nhân lực (cán bộ khoa học kỹ thuật) và vật lực (phương tiện kỹ thuật thông tin liên lạc) để sẵn sàng huy động phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt an toàn, bí mật.

2.2.4: *Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc:*

- Thể trận quốc phòng, an ninh là sự tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Nội dung xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân:

Gồm: Phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với vùng kinh tế trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư theo nguyên tắc bảo vệ đi đôi với xây dựng đất nước. Xây dựng hậu phương, tạo chỗ dựa vững chắc cho thể trận quốc phòng, an ninh. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) tạo nền tảng của thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Triển khai các lực lượng trong thể trận; tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp cải tạo địa hình với xây dựng hạ tầng và các công trình quốc phòng, an ninh.

2.3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHÍNH XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN HIỆN NAY:

2.3.1: *Thường xuyên thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng - an ninh*

Thực hiện Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị và Nghị định 116/2007/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ. Nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh phải toàn diện, coi trọng giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; nghĩa vụ công dân đối với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; âm mưu, thủ đoạn của địch; đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh. Làm cho mọi người, mọi tổ chức biết tự bảo vệ trước sự chống phá của các thế lực thù địch. Phải vận dụng

hiệu quả, chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh.

2.3.2: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Cụ thể hoá các nội dung lãnh đạo về quốc phòng - an ninh và bổ sung cơ chế hoạt động của từng cấp, từng ngành, từng địa phương, đặc biệt chú trọng khi xử trí các tình huống phức tạp. Điều chỉnh cơ cấu quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh của bộ máy Nhà nước các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Tổ chức phân công cán bộ chuyên trách để phát huy vai trò làm tham mưu trong tổ chức, thực hiện công tác quốc phòng, an ninh. Chấp hành nghiêm Quy chế 107/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phối hợp quân đội với công an và Nghị quyết 51- NQ/TW của Bộ Chính trị về việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với chế độ chính uỷ, chính trị viên trong quân đội nhân dân Việt Nam.

2.3.3: Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho học sinh, sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là trách nhiệm của toàn dân. Mọi công dân, mọi tổ chức, lực lượng đều phải tham gia theo phạm vi và khả năng của mình. Đối với sinh viên, phải tích cực học tập nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nắm vững kiến thức quốc phòng, an ninh, nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Trên cơ sở đó, tự giác, tích cực luyện tập các kỹ năng quân sự, an ninh và chủ động tham gia các hoạt động về quốc phòng, an ninh do Học viện, trường, thành phố triển khai.

Kết luận

Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH là thành tựu to lớn và rất quan trọng trong công cuộc đổi mới, đã làm cho thế và lực đất nước ta mạnh lên rất nhiều tạo tiền đề vật chất và tinh thần để nhân dân tiếp tục đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước. Trong khi đó tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng phức tạp chứa đựng nhiều yếu tố khó lường, bên cạnh thời cơ thuận lợi còn nhiều khó khăn và thách thức.

Để bảo vệ vững chắc tổ quốc VNXHCN, yêu cầu khách quan là phải xây dựng nền QPTD vững mạnh. Đây là một chủ trương chiến lược của Đảng và Nhà nước, đồng thời cũng là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, nhà nước và nhân dân ta.

Là sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cần nhận thức đầy đủ trách nhiệm, tích cực, tự giác học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tích cực tham gia vào các hoạt động quốc phòng an ninh của Học viện góp phần vào việc xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh của ngành và sự nghiệp BVTQ, xây dựng tiềm lực, thế trận QPTD, ANND bảo đảm cho đất nước hoà bình ổn định, vững bước đi tới tương lai thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh”.

III: CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
2. Trình bày mục đích, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh. Liên hệ thực tiễn và trách nhiệm của bản thân?
3. Quốc phòng là gì? Tại sao phải xây dựng tiềm lực quốc phòng trong các ngành khoa học- kỹ thuật? Là cán bộ chủ chốt của ngành bưu chính viễn thông (Chị) phải làm gì để bảo đảm xây dựng tiềm lực quốc phòng của ngành vững mạnh?

Bài 4
CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ
TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1.1: Mục đích:

Giới thiệu cho sinh viên hiểu được mục đích, tính chất, đối tượng, đặc điểm, những quan điểm cơ bản và nội dung chủ yếu của CTND bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN, từ đó góp phần xây dựng niềm tin, trách nhiệm trong bảo vệ tổ quốc.

1.2: Yêu cầu:

Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng đủ các nội dung của bài, đề cao trách nhiệm của tuổi trẻ góp phần cùng toàn dân thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

II- NỘI DUNG:

2.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC.

2.1.1: Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

- Mục đích của chiến tranh nhân dân

Khái niệm: Chiến tranh nhân dân Việt Nam là quá trình sử dụng tiềm lực của đất nước, nhất là tiềm lực quốc phòng an ninh, nhằm đánh bại ý đồ xâm lược lật đổ của kẻ thù đối với cách mạng nước ta.

Nhằm mục đích: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

- Đối tượng tác chiến của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

+ Đối tượng tác chiến:

Đối tượng tác chiến : Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động có hành động phá hoại, xâm lược lật đổ cách mạng, hiện nay chúng thực hiện chiến lược "Diễn biến hoà bình" bạo loạn lật đổ để xoá bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta và sẵn sàng sử dụng lực lượng vũ trang hành động quân sự can thiệp khi có thời cơ.

- Âm mưu, thủ đoạn chủ yếu của kẻ thù khi xâm lược nước ta.

Thực hiện đánh nhanh, thắng nhanh, kết hợp tiến công quân sự từ bên ngoài vào với hành động bạo loạn lật đổ từ bên trong. Đồng thời kết hợp với các biện pháp phi vũ trang để lừa bịp dư luận.

Lực lượng tham gia với quân đông, vũ khí trang bị hiện đại.

Khi tiến công thường trong giai đoạn đầu sẽ bao vây, phong tỏa sau sử dụng hỏa lực đánh bất ngờ, ồ ạt. Giai đoạn thực hành thôn tính lãnh thổ có thể đồng thời hỗ trợ của bạo loạn lật đổ ở bên trong của các lực lượng phản động và sử dụng các biện pháp chính trị, ngoại giao để lừa bịp dư luận.

Khi tiến hành chiến tranh xâm lược địch có điểm mạnh, yếu sau:

Mạnh: Có ưu thế tuyệt đối về sức mạnh quân sự, kinh tế và tiềm lực khoa học công nghệ. Có thể cấu kết được với lực lượng phản động nội địa, thực hiện trong đánh ra, ngoài đánh vào

Yếu: Đây là cuộc chiến tranh phi nghĩa, chắc chắn bị nhân loại phản đối. Dân tộc ta có truyền thống yêu nước, chống xâm lược, chắc chắn sẽ làm cho chúng bị tổn thất nặng nề, đánh bại xâm lược của địch. Địa hình thời tiết nước ta phức tạp khó khăn cho địch sử dụng phương tiện, lực lượng.

2.1.2: Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc.

- Tính chất.

+ Là cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

+ Là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ cách mạng, nhằm bảo vệ độc lập tự do của dân tộc, bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân và mọi thành quả của cách mạng.

- Là cuộc chiến tranh mạng tính hiện đại (hiện đại về vũ khí, trang bị, tri thức và nghệ thuật quân sự). Nhưng trước tiên ở đây hiện đại đòi hỏi phải hiện đại về con người, con người phải nắm bắt được khoa học kỹ thuật và chỉ có làm chủ được khoa học kỹ thuật thì mới điều khiển, sử dụng được các loại vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại và mới biết được cách phòng tránh và đánh trả cuộc chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao.

- *Đặc điểm của chiến tranh nhân dân.*

Chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới có những đặc điểm cơ bản sau:

+ Trong bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, chúng ta tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nhằm góp phần thực hiện những mục tiêu lớn của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Do vậy, chúng ta có thể tập hợp, động viên và phát huy cao độ, đồng đảo được sức mạnh của toàn dân cả nước, chung sức đánh giặc.

+ Trong cuộc chiến tranh, nhân dân ta phải bảo vệ được độc lập thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, cuộc chiến tranh mang tính độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, nhưng đồng thời cũng được sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của cả loài người tiến bộ trên thế giới, tạo sức mạnh tổng hợp của quốc gia và quốc tế, dân tộc và thời đại để đánh thắng chiến tranh xâm lược của kẻ thù.

+ Chiến tranh diễn ra khắt khe, quyết liệt phức tạp ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh. Tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, địch sẽ thực hiện phương châm chiến lược đánh nhanh giải quyết nhanh. Quy mô chiến tranh có thể lớn và ác liệt ngay từ đầu. Kết hợp tiến công hoà lực với tiến công trên bộ, tiến công từ bên ngoài kết hợp với bạo loạn lật đổ ở bên trong và bao vây phong toả đường không đường biển và đường bộ để nhằm tới mục tiêu chiến lược trong thời gian ngắn.

+ Hình thái đất nước được chuẩn bị sẵn sàng, thế trận quốc phòng, an ninh nhân dân ngày càng được củng cố vững chắc, có điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp chủ động đánh địch ngay từ ngày đầu và lâu dài.

2.2: QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TRONG CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC.

Từ trong thực tiễn, Đảng ta nhận định: Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ còn xảy ra nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Nếu đất nước phải đối mặt với một cuộc chiến tranh xâm lược mới của kẻ thù, chúng ta cần nắm vững một số quan điểm cơ bản của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

2.2.1: Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực.

- *Vị trí:* Đây là quan điểm cơ bản xuyên suốt, thể hiện tính nhân dân sâu sắc trong chiến tranh. Khẳng định, đây là cuộc chiến tranh của dân, do dân và vì dân với tinh thần đầy đủ nhất. Là điều kiện để phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp trong cuộc chiến tranh.

- *Nội dung thể hiện:*

+ Trong điều kiện mới, ta vẫn phải “ lấy nhỏ thắng lớn”, “ lấy ít địch nhiều”, để đánh thắng những đội quân mạnh hơn ta gấp nhiều lần, Đảng ta không chỉ dựa vào lực lượng vũ trang mà phải dựa vào sức mạnh của toàn dân, tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc...

+ Động viên toàn dân đánh giặc, chúng ta phải động viên và tổ chức quần chúng cùng lực lượng vũ trang nhân dân trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống lại chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, bằng những cách đánh độc đáo, sáng tạo...

+ Toàn dân đánh giặc phải có lực lượng nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân gồm ba thứ quân: dân quân tự vệ, bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực. Dân quân tự vệ làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc ở cơ sở; bộ đội địa phương và dân quân tự vệ làm nòng cốt cho phong trào chiến tranh nhân dân ở địa phương. Bộ đội chủ lực cùng lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc trên chiến trường cả nước.

+ Tiến hành chiến tranh toàn dân, đó là truyền thống, đồng thời là quy luật giành thắng lợi trong chiến tranh của dân tộc ta chống những kẻ thù xâm lược lớn mạnh hơn ta nhiều lần. Tổ tiên ta đã tiến hành chiến tranh nhân dân để đánh thắng các triều đại phong kiến phương Bắc xâm lược, cũng như dưới sự lãnh đạo của Đảng dân tộc ta đã đánh thắng giặc Pháp và chống Mỹ xâm lược. Ngày nay, chúng ta phải kế thừa và phát huy truyền thống ấy lên một trình độ mới phù hợp với điều kiện mới, thực hiện chiến tranh toàn dân đánh thắng cuộc tiến công xâm lược của địch.

- Biện pháp thực hiện:

Tăng cường giáo dục quốc phòng cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nói chung và sinh viên nói riêng.

Không ngừng chăm lo xây dựng các lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, đặc biệt là chất lượng chính trị.

Không ngừng nghiên cứu nghệ thuật quân sự, nghiên cứu các cuộc chiến tranh gần đây ở trên thế giới để phát triển nghệ thuật quân sự lên một tầm cao mới. Xây dựng tinh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc...

2.2.2: Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh.

- *Vị trí:* Quan điểm trên có vai trò quan trọng, vừa mang tính chỉ đạo và hướng dẫn hành động cụ thể để giành thắng lợi trong chiến tranh.

- *Nội dung:*

+ Chiến tranh là một cuộc thử thách toàn diện cả sức mạnh vật chất tinh thần của quốc gia, nhưng chiến tranh của ta là một cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ, cách mạng. Để phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của toàn dân, đánh bại chiến tranh tổng lực của địch, chúng ta phải đánh địch trên tất cả các mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế văn hoá tư tưởng. Mỗi mặt trận đấu tranh đều có vị trí quan trọng của nó.

+ Tất cả các mặt trận đấu tranh trên phải kết hợp chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau và tạo điều kiện cho đấu tranh quân sự giành thắng lợi trên chiến trường và cùng với đấu tranh quân sự tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn giành thắng lợi cho cuộc chiến tranh.

+ Truyền thống và kinh nghiệm của cuộc chiến tranh giải phóng và giữ nước trong lịch sử ông cha ta cũng như dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta nhân dân ta đã tiến hành cuộc kháng chiến toàn diện, đấu tranh với địch trên nhiều mặt nhưng chủ yếu đã đánh địch và thắng địch trên mặt trận quân sự, nhờ đó mà nhân dân ta đã giành được thắng lợi, giành và giữ nền độc lập dân tộc. Tình hình thế giới ngày nay diễn biến phức tạp và có những thay đổi sâu sắc, đất nước đứng trước những thuận lợi mới và những thách thức mới đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cùng nỗ lực phấn đấu làm thất bại âm mưu và các mục tiêu chiến lược của địch, giành thắng lợi toàn diện cho chiến tranh.

- *Biện pháp thực hiện:*

+ Đảng phải có đường lối chiến lược, sách lược đúng, tạo thế và lực cho từng mặt trận đấu tranh tạo nên sức mạnh, trước mắt đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch. Động viên sức mạnh của toàn dân tiến hành đấu tranh trên các mặt trận khi kẻ thù phát động chiến tranh xâm lược.

+ Phải vận dụng sáng tạo nhiều hình thức và biện pháp đấu tranh thích hợp trên từng mặt đồng thời có nghệ thuật chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ các mặt trận đấu tranh trong từng giai đoạn cũng như quá trình phát triển của chiến tranh. Song, phải luôn quán triệt, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để kết thúc chiến tranh.

2.2.3: Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt.

- Kẻ thù xâm lược nước ta là nước lớn, có quân đông, trang bị vũ khí, kỹ thuật cao, có tiềm lực kinh tế quân sự mạnh hơn ta nhiều lần. Chúng dựa vào sức mạnh quân sự ưu thế áp đảo đối với ta để thực hiện “đánh nhanh, giải quyết nhanh” theo học thuyết tác chiến “không – bộ – biển” nhằm đạt mục đích chiến tranh xâm lược.

- Vì vậy, trước hết ta phải chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực đủ sức đánh được lâu dài, ra sức tạo thời cơ, nắm vững thời cơ, chủ động đối phó và giành thắng lợi trong thời gian cần thiết. Trên cơ sở đó ta mới dồn sức để rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt. Ta kiên quyết ngăn chặn địch không cho chúng mở rộng để thu hẹp không gian của chiến tranh. Mặt khác cũng phải chuẩn bị sẵn sàng để thắng địch trong điều kiện chiến tranh mở rộng.

2.2.4: Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh.

Đây là một kinh nghiệm đồng thời là truyền thống chống giặc ngoại xâm trước kia cũng như cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nếu chiến tranh xảy ra, chúng ta phải tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, cuộc chiến đó sẽ diễn ra quyết liệt ngay từ đầu. Qui mô chiến tranh, thương vong về người, tiêu hao về vật chất kỹ thuật sẽ rất lớn, nhu cầu bảo đảm cho chiến tranh và ổn định đời sống nhân dân đòi hỏi cao và khẩn trương. Muốn duy trì được sức mạnh để đánh thắng kẻ thù xâm lược lớn, ta cần phải có tiềm lực kinh tế quân sự nhất định bảo đảm cho tác chiến giành thắng lợi.

Vì vậy trong chiến tranh ta phải: vừa kháng chiến, vừa duy trì và đẩy mạnh sản xuất bảo đảm nhu cầu vật chất kỹ thuật cho chiến tranh ổn định đời sống nhân dân. Ta phải thực hành tiết kiệm trong xây dựng và trong chiến tranh lấy địch đánh địch, giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta, không ngừng tăng thêm tiềm lực của chiến tranh, càng đánh càng mạnh.

2.2.5: Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn.

- Hiện nay kẻ địch đang đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ để chống phá cách mạng nước ta. Nếu chiến tranh nổ ra, địch sẽ tăng cường đánh phá ta bằng nhiều biện pháp: tiến hành chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp, lợi dụng dân tộc, tôn giáo, các tổ chức phản động chống đối để kích động, chia rẽ, làm mất ổn định chính trị, gây rối loạn lật đổ ở hậu phương ta để phối hợp lực lượng tiến công từ ngoài vào.

- Vì vậy, đi đôi với đấu tranh quân sự trên chiến trường, ta phải kịp thời trấn áp mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch ở hậu phương ta, bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc hậu phương, giữ vững sự chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

2.2.6: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

- Cuộc chiến tranh xâm lược của địch là tàn bạo và vô nhân đạo sẽ bị nhân dân tiến bộ trên thế giới phản đối

- Đoàn kết mở rộng quan hệ tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới, kể cả nhân dân nước có quân xâm lược.

2.3: MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC.

2.3.1: Tổ chức thể trận chiến tranh nhân dân:

- Thể trận chiến tranh nhân dân là sự tổ chức bố trí lực lượng để tiến hành chiến tranh và hoạt động tác chiến.

- Thể trận chiến tranh bố trí rộng trên cả nước nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm. Xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh toàn diện, có khả năng độc lập tác chiến, đồng thời phối hợp với bộ đội chủ lực và đơn vị bạn đánh địch, liên tục dài ngày, liên kết thành thể trận làng nước.

2.3.2: Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân.

- Lực lượng chiến tranh nhân dân là toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện lấy lực lượng vũ trang nhân dân gồm 3 thứ quân làm nòng cốt

- Lực lượng toàn dân được tổ chức chặt chẽ thành lực lượng quần chúng rộng rãi và lực lượng quân sự

- Lực lượng vũ trang nhân dân được xây dựng vững mạnh toàn diện, coi trọng cả số lượng và chất lượng, trong đó lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở.